TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **154**/2020/DS - PT
Ngày: 13-7-2020
"V/v: Tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán Ông Lê Tự;

Ông Đặng Kim Nhân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thanh Thuỷ, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp di sản thừa kế"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1119/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lê M – Sinh năm 1936.

Địa chỉ: Tổ 2, thôn V, Xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T, sinh năm 1953, địa chỉ: 40/1 Đường H, phường V2, Thành phố N, Khánh Hòa theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2013. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn L1 – Sinh năm 1946.

Địa chỉ: Tổ 2, Thôn V, Xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trần Anh T1, sinh năm 1970, địa chỉ:

Tổ 2, thôn V, Xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa theo văn bản ủy quyền ngày 04/7/2017. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi của bị đơn: Bà Lục Thị Th, Văn phòng Luật sư Thụy, Đoàn Luật sư Khánh Hòa. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Lê Thị N1 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà N1:

- Ông Lê Kim Th1. Có mặt.

- Ông Lê Minh T2. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thành phố N, Khánh Hòa;

3.2 Bà Lê Thị G1 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà G1:

- Bà Quảng Thị M1 (Trương Thị M2).

Địa chỉ: OR 97062, Hoa Kỳ;

- Bà Quảng Thị Băng T3 (Nguyễn Q Băng T3).

Địa chỉ: OR 97236, Hoa Kỳ;

- Bà Quảng Thị Long A (Quảng Long A).

Địa chỉ: 2810 Chanpionship Dr Woodburn, OR 97071, Hoa Kỳ;

Đại diện theo ủy quyền của bà M1, bà T3, bà A: Bà Thái Tú H1, địa chỉ: 24 Thành phố N, Khánh Hòa theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2015; vắng mặt.

- Ông Quảng Mậu Ph (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Ph:

Bà Vũ Thị H2;

Bà Quảng Mậu Thanh B;

Bà Quảng Mậu Tường H2;

Đại diện theo ủy quyền của bà H2, chị B, chị H2: Bà Thái Tú H1, địa chỉ: Thành phố N, Khánh Hòa theo văn bản ủy quyền ngày 03/10/2017; vắng mặt.

- Ông Quảng Mậu H3;

Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T; địa chỉ: 40/1 Đường H, V2, Thành phố N, Khánh theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2015; có mặt.

Bà Thái Tú H1; vắng mặt.

Anh Quảng Mậu Tường H4;

Chị Quảng Mậu Tường H5;

Cùng địa chỉ: Thành phố N, Khánh Hòa;

Đại diện theo ủy quyền của anh H4 và chị H5: Bà Thái Tú H1, địa chỉ: Thành phố N, Khánh Hòa theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2017; vắng mặt.

Bà Hàng Ái L3;

Anh Quảng Mậu Thiên S;

Anh Quảng Mậu Thiên N2;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố số 7, V3, V4, Khánh Hòa;

Đại diện theo ủy quyền của bà L3, anh S, anh N2: Bà Thái Tú H1, địa chỉ: Thành phố N, Khánh Hòa theo văn bản ủy quyền ngày 24/8/2017; vắng mặt.

Bà Lê Thị T4; vắng mặt.

Địa chỉ: Hoa Kỳ;

Ông Lê Văn H4; có mặt.

Địa chỉ: Thành phố N, Khánh Hòa;

Bà Lê Thị Băng L4; vắng mặt.

Địa chỉ: Thành phố N, Khánh Hòa;

Bà Lê Thị Bích C; vắng mặt.

Địa chỉ: Hoa Kỳ;

Ông Lê Quang T5; vắng mặt.

Địa chỉ: Thành phố N, Khánh Hòa;

Ông Nguyễn Tấn H6; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, thôn V, Xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa;

Bà Nguyễn Thị T6; vắng mặt.

Địa chỉ: Xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa;

Bà Nguyễn Thị Minh Tr; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, thôn V, Xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa;

Bà Lê Thị Ch; vắng mặt.

Ông Nguyễn Tấn K1; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Hogas Việt Nam 33 1259 Olso Norway;

Ông Nguyễn Phiêu L2 (chết);

Anh Nguyễn Khang H7;

Chị Nguyễn Đạt Thanh Q;

Cùng địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh;

Anh Nguyễn Huy Đ1;

Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền của anh H7, chị Q, anh Đ1: Ông Nguyễn Tấn H6; địa chỉ: Tổ 2, thôn V, Xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa theo văn bản ủy quyền ngày 14/4/2015; có mặt.

Anh Nguyễn Đạt Thanh T7;

Địa chỉ: 15/8C Hai Bà Trưng, Phường 6, Đà Lạt, Lâm Đồng;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn H6; địa chỉ: Tổ 2, thôn V, Xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2015; có mặt.

Bà Trần Thị T8; vắng mặt.

Ông Lê Trần Anh T1; có mặt.

Bà Trương Lê Kiều L5;

Cùng địa chỉ: Tổ 2, Thôn V, Xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trần Anh T1, địa chỉ: Tổ 2, thôn V, Xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa theo văn bản ủy quyền ngày 04/7/2017; có mặt.

Bà Lê Trần Bích T9; vắng mặt.

Bà Lê Trần Thảo Tr; vắng mặt.

Bà Lê Trần Mai Tr1; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, Thôn V, Xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa;

Ông Trần Hải Đ2; vắng mặt.

Bà Lê Thi Anh T10; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: State Iowa 50311, Hoa Kỳ;

Bà Huỳnh Thị Thúy V5; vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

Ông Nguyễn Văn M3;

Bà Lê Thị Bích H8; có mặt.

Cùng địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

Đại diện theo ủy quyền của ông M3: Bà Lê Thị Bích H8 theo văn bản ủy quyền ngày 29/9/2017; có mặt.

Ông Nguyễn Xuân H9; vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

Ủy ban nhân dân thành phố N; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 42 đường L6, thành phố Thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Văn phòng đăng ký đất đai Khánh Hòa. vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Bà Lê Thị Ánh N3. vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, Thôn V, Xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa.

4. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hoà và kháng cáo của các ông, bà Lê M, Lê Kim Th1, Lê Văn L1, Lê Quang T5, Lê Trần Anh T1, Trần Thị T8, Trương Lê Kiều L5, Lê Trần Thảo Tr, Nguyễn Văn M3 và Lê Thị Bích H8.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2007, bản tự khai ngày 25/6/2007, các bản tự khai bổ sung ngày 19/5/2009, ngày 21/5/2009, ngày 8/6/2009, văn bản ý kiến ngày 18/4/2014 BL543, nguyên đơn ông Lê M và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:*

Cha, mẹ của nguyên đơn là cụ Lê A1 và cụ Nguyễn Thị G chết đi có để lại khối tài sản theo sổ bộ địa chính năm 1963 và Chứng thư kiến điền thì tài sản gồm có 03 thửa: Thửa 28 diện tích 761m^2, Thửa 29 diện tích 156m^2, Thửa 33 diện tích 3.295m^2; với tổng diện tích khoảng 4.212m^2 trên đất có một căn nhà tọa lạc tại tổ 2 Thôn V, xã V1, thành phố N. Sinh thời, cha mẹ nguyên đơn có 07 người con chung, gồm:

1/ Ông Lê B1 (chết, không có vợ con);

2/ Lê T11 (chết, không có vợ con);

3/ Bà Lê Thị G1 (chết), chồng là ông Quảng Mậu K1 (chết), có 08 người con, gồm:

3.1/ Bà Quảng Thị M1 (Trương Thị M2);

3.2/ Bà Quảng Thị Băng T3 (Nguyễn Q Băng T3);

3.3/ Bà Quảng Thị Long A (Quảng Long A);

3.4/ Ông Quảng Mậu Ph (chết), có vợ là bà Vũ Thị H2 và 02 con là Quảng Mậu Thanh B, Quảng Mậu Tường H2;

3.5/ Ông Quảng Mậu H3;

3.6/ Ông Quảng Mậu A2 (chết) có vợ là bà Thái Tú H1 và 02 con là anh Quảng Mậu Tường H4, chị Quảng Mậu Tường H5;

3.7/ Ông Quảng Mậu Ng1 (chết) có vợ là bà Hàng Ái L3 và 02 con là anh Quảng Mậu Thiên S, anh Quảng Mậu Thiên N2;

3.8/ Ông Quảng Mậu M4 (chết);

4/ Lê Thị N1 (chết) có 02 người con là Lê Kim Th2 và Lê Kim T12;

5/ Lê M;

6/ Lê Thị Q1 (chết), chồng là ông Nguyễn Tấn Th2 (chết). Bà Q1 và ông Th2 có 08 người con, gồm:

6.1/ Nguyễn Tấn H6;

6.2/ Nguyễn Thị T6;

6.3/ Nguyễn Thị Minh Tr;

6.4/ Nguyễn Tấn Đ3 (chết còn nhỏ);

6.5/ Nguyễn Tấn K2 (chết còn nhỏ);

6.6/ Nguyễn Tấn Q2 (chết còn nhỏ);

6.7/ Nguyễn Tấn Th3 (chết), có vợ và 02 con, gồm:

6.7.1/ Bà Lê Thị Ch;

6.7.2/ Nguyễn Tấn K1 (Đoàn TấnK1);

6.7.3/ Nguyễn Thị T6 Huyền(chết còn nhỏ);

6.8/ Nguyễn Thị M5 (chết), chồng là ông Nguyễn Phiêu L2 (chết). Bà M5 và ông L2 có 05 người con gồm:

6.8.1/ Nguyễn Tâm K3 (chết còn nhỏ);

6.8.2/ Nguyễn Đạt Thanh U;

6.8.3/ Nguyễn Khang H7;

6.8.4/ Nguyễn Huy Đ1;

6.8.5/ Nguyễn Đạt Thanh T7;

7/ Lê H11 (chết). Ông H11 có 02 đời vợ:

7.1/ Bà Trương Thị D1 (chết). Ông H11 và bà D1 có 04 người con, gồm:

7.1.1/ Lê Thị T4;

7.1.2/ Lê Văn L1;

7.1.3/ Lê Văn L7 (chết);

7.1.4/ Lê Văn D2 (chết).

7.2/ Bà Trương Thị L8 (chết). Ông H11 và bà L8 có 05 người con, gồm:

7.2.1/ Lê Văn H4;

7.2.2/ Lê Thị Ánh N3;

7.2.3/ Lê Thị Băng L4;

7.2.4/ Lê Thị Bích C;

7.2.5/ Lê Quang T5;

Năm 1952, cụ Lê A1 chết không để lại di chúc. Năm 1956, do căn nhà từ đường đã hơn 100 năm xây dựng xuống cấp, mưa dột không ở được nên mẹ nguyên đơn là cụ Nguyễn Thị G bàn với con trai là ông Lê H11 đập toàn bộ nhà cũ và xây lại nhà mới để thờ cúng tổ tiên. Ông Lê H11 bỏ toàn bộ tiền để xây nhà, các anh chị em khác thì góp công sức, ngoài căn nhà thì cũng trong năm 1956 có xây thêm 01 cái giếng.

Năm 1981, cụ Nguyễn Thị G chết không để lại di chúc.

Năm 1987, ông Lê H11 chết. Năm 2000, ông Lê Văn L1 là con ông H11 đã tự ý kê khai đất và được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00426/QSDĐ/NT đứng tên hộ ông bà Lê Văn L1 và Trần Thị T8, thay thế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho ông L1 ngày 10/5/1991. Nguyên đơn không hề hay biết việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Năm 2004, ông L1 đã cho con trai là ông Lê Trần Anh T1 300m^2 đất để xây cất nhà trong khuôn viên di sản, nhưng không hỏi ý kiến của họ tộc.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ Lê A1 và cụ Nguyễn Thị G theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế là quyền sử dụng đất theo kết quả đo vẽ thực tế là 4.240,7m^2 (theo Chứng thư kiến điền diện tích 4.212m^2. Riêng căn nhà từ đường được xây cất trên đất di sản, nguyên đơn không tranh chấp yêu cầu chia.

Đối với căn nhà do ông T1 xây cất trong khuôn viên đất di sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Nếu được chia di sản, ông xin nhận kỷ phần bằng hiện vật.

** Bị đơn ông Lê Văn L1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Trần Anh T1 trình bày:*

Về thời gian chết, những người con chung của cụ A1 và cụ G, những người còn sống, những người đã chết, tên con cháu của người đã chết, diện và hàng thừa kế đúng như nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày.

Về nguồn gốc nhà, đất mà nguyên đơn tranh chấp theo bản dịch chữ hán có chứng thực của Công chứng, các văn bản năm 1916, 1917 và 1919 tại tờ số 8a, 10a và 11a thể hiện là của ông Lê H10 và bà Trần Thị Ng tạo lập và để lại cho ông Lê A1 và bà Nguyễn Thị G.

Năm 1956, ngôi nhà cũ đã nát nên ông Lê H11 đã đập toàn bộ xây lại mới, toàn bộ tiền xây dựng lại nhà mới do ông H11 bỏ ra. Diện tích căn nhà là 254,24m^2 và chỉ dùng trong việc thờ cúng. Ngoài ra, phía sau nhà còn có 01 cái giếng xây cùng năm 1956.

Năm 1988, ông H11 chết, ông L1 tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1991, ông L1 kê khai và đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00882/QSDĐ. Năm 2000, ông L1 được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ năm 1988 đến năm 2010, ông đã bỏ công sức và tiền bạc chăm sóc vườn tược, gìn giữ, tôn tạo nhà đất và cúng giỗ ông bà.

Năm 2003, vợ chồng ông có cho con trai là Lê Trần Anh T1 01 phần đất có diện tích 300m^2 để xây nhà ở và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004.

Sau khi bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng có hiệu lực, ông có tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất như sau:

- Tặng cho ông Lê Trần Anh T1 và bà Trương Lê Kiều L5 thửa đất 278 (01 phần từ thửa 275) có diện tích 386,5m^2 và ông T1, bà L5 đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH 00470/22399 ngày 06/7/2012.

- Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hải Đ2 và bà Lê Thị Anh T10 một phần đất có diện tích 145,0m^2 và ông Đ2, bà T10 đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tháng 7/2012.

- Tặng cho ông Lê Trần Anh T1 và bà Trương Lê Kiều L5 một phần đất có diện tích 118,2m^2. Do phần diện tích đất tặng cho nằm trong khu vực quy hoạch nên hai bên không ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà chỉ lập văn bản cam kết để xác nhận việc giao kết tặng cho.

- Tặng cho bà Lê Trần Thảo Tr một phần đất có diện tích 159,7m^2. Do phần diện tích đất tặng cho nằm trong khu vực quy hoạch nên hai bên không ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà chỉ lập văn bản cam kết để xác nhận việc giao kết tặng cho.

- Tặng cho bà Lê Trần Mai Tr1 một phần đất có diện tích 159,5m^2. Do phần diện tích đất tặng cho nằm trong khu vực quy hoạch nên hai bên không ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà chỉ lập văn bản cam kết để xác nhận việc giao kết tặng cho.

- Tặng cho bà Lê Trần Bích T9 một phần đất có diện tích 160,1m^2. Do phần diện tích đất tặng cho nằm trong khu vực quy hoạch nên hai bên không ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà chỉ lập văn bản cam kết để xác nhận việc giao kết tặng cho.

- Tặng cho ông Lê Quang T5 một phần đất có diện tích 101,5m^2. Do phần diện tích đất tặng cho nằm trong khu vực quy hoạch nên hai bên không ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà chỉ lập văn bản cam kết để xác nhận việc giao kết tặng cho.

Các đương sự khác có chuyển dịch quyền sử dụng đất gồm có:

- Bà Lê Thị Bích C đã chuyển nhượng 300,3m^2 cho ông Nguyễn Xuân H12 ngày 27/9/2016.

- Bà Lê Thị Thái đã chuyển nhượng 306,1m^2 cho bà Lê Thị Băng L4, bà Loan đã chuyển phần diện tích này cho bà Ánh N3, bà N3 lại chuyển cho vợ chồng ông Nguyễn Văn M3 và bà Lê Thị Bích H8 ngày 26/8/2015.

Tháng 10/2016, ông đã nâng nền phần diện tích đất 120m^2 cao khoảng 40 - 150 cm, làm mái che diện tích 60m^2, xây tường rào bê tông kiên cố. Ông không yêu cầu tính giá trị xây dựng thêm này.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê A1 và bà Nguyễn Thị G, bị đơn không đồng ý vì căn nhà từ đường là tài sản riêng của cha ông là ông Lê H11 đã bỏ tiền ra xây cất hoàn toàn mới vào năm 1956.

** Phần trình bày của bà Lê Thị Ánh N3 trình bày:*

Bà là con của ông Lê H11 và bà Trương Thị L8. Ông bà nội bà là ông Lê A1 và bà Nguyễn Thị G có tạo lập một căn nhà xây cất trên lô đất có diện tích là khoảng 4.200 m^2 tọa lạc tại tổ 2 thôn V, xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa.

Thống nhất về diện và hàng thừa kế như trình bày của nguyên đơn. Ông A1, bà G chết không để lại di chúc. Cha bà là ông Lê H11 quản lý nhà và đất này. Năm 1956, do căn nhà từ đường đã cũ, mục nát nên cha bà là ông H11 đã đập phá toàn bộ và xây lên cao. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 22/6/2009, bà có đơn yêu cầu khởi kiện độc lập đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Lê H11 để lại, xin nhận kỷ phần bằng hiện vật là phần đất mà bà đang quản lý, sử dụng.

Sau khi có quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm, bà và các ông bà gồm Lê Thị Băng L4, Lê Thị T4, Lê Văn H4, Lê Quang T5, Lê Thị Bích C cùng đóng góp tiền bạc tiến hành đổ đất nền lấp ao, hồ. Nền cao khoảng 1,5m, diện tích khoảng hơn 700m^2. Ngoài ra, bà có đổ đất thêm trước sân nhà từ đường trị giá 1.600.000đ bằng tiền riêng của bà.

** Phần trình bày của người có quyền và nghĩa vụ liên quan;*

1/ Ông Lê Trần Anh T1 trình bày:

Đất đai ông L1 đang quản lý và sử dụng được được truyền đến đời ông L1 là đời thứ 6 (từ ông Lê Văn N4 sang ông Lê H12 sang ông Lê H10 sang ông Lê A1 đến ông Lê H11 tiếp đến ông Lê Văn L1). Việc bàn giao giữ gìn nhà từ đường bằng miệng, riêng cụ Lê A1 có làm tờ thuận phân bị thất lạc phần kết có chữ ký của lý trưởng, có nội dung như sau: Ông Lê H11 quản lý và sử dụng phần đất hiện tại ông L1 đang quản lý và sử dụng, bà Lê Thị Q quản lý và sử dụng phần đất sát cạnh đất của ông L1, ông Lê M quản lý và sử dụng phần đất hiện tại có ngôi nhà của ông tại tổ 2 thôn V, xã V1, Thành phố N. Cả 03 lô đất đều thực hiện từ tờ thuận phân nên đều là di sản của ông bà để lại.

Do đó, đề nghị Tòa án đưa cả diện tích đất ông Lê M đang quản lý sử dụng và diện tích đất của bà Lê Thị Q (con cháu bà đang quản lý sử dụng) vào khối di sản của cụ A1 và cụ G để chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

2/ Phần trình bày của nhánh bà G1:

- Tại bản tự khai đề ngày 24/7/2007 và biên bản hòa giải ngày 13/8/2009, bà Lê Thị G1 trình bày:

Nguồn gốc tài sản nguyên đơn tranh chấp là của cha, mẹ bà là ông Lê A1 và bà Nguyễn Thị G tạo lập gồm 01 khu vườn dừa diện tích khoảng hơn 4000m^2 trên đất có xây dựng 01 căn nhà, tọa lạc tại tổ 2 thôn V, xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa. Căn nhà của cha, mẹ bị hư hỏng nên năm 1956 mẹ và ông H11 có phá đi xây dựng lại toàn bộ. Toàn bộ diện tích đất cha, mẹ để lại hiện do ông Lê Văn L1 đang trực tiếp quản lý. Cha, mẹ chết không để lại di chúc nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà G1 (đại diện là bà Thái Tú H1) trình bày:

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị được nhận phần di sản của mẹ bà bằng hiện vật.

- Tại bản tự khai ngày 10/12/2014, người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị G1, bà Hàng Ái L3, trình bày:

Bà thống nhất với lời khai của bà Thái Tú H1 và xin nhận phần di sản bằng hiện vật.

- Tại bản tự khai ngày 26/10/2015 BL 635, người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị G1, ông Quảng Mậu H3 và người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn T, trình bày:

Ông là cháu ngoại của ông Lê A1 và bà Nguyễn Thị G. Khối tài sản ông A1 bà G chết đi để lại gồm nhà từ đường và đất, cây trồng có bụi tre và giếng nước. Ông là người thừa kế hợp pháp của mẹ ông bà Nguyễn Thị G1 nên ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông xin nhận phần tài sản được hưởng bằng hiện vật.

3/ Phần trình bày của nhánh bà Lê Thị N1:

Ông nội của tôi là Lê H10 có tạo lập 01 khu vườn dừa và 01 căn nhà tọa tại tổ 2 thôn V, xã V1, Thành phố N, Khánh Hòa được xây cất trên diện tích khoảng 4000$m^{2.}$. Ông Lê H10 chết đi để lại tài sản này cho cha mẹ bà là ông Lê A1 và bà Nguyễn Thị G.

Ông Lê A1 và bà Nguyễn Thị G có các con đúng như nguyên đơn trình bày. Khi cha mẹ bà chết đi giao lại nhà, đất này cho ông Lê H11 quản lý trông coi nhang khói cho ông bà. Việc giao quản lý và trông coi tài sản này chỉ giao bằng miệng.

Năm 1956, do căn nhà từ đường đã hơn 100 năm xây dựng nên xuống cấp, mẹ bà là Nguyễn Thị G đã bàn với con trai là Lê H11 đập phá toàn bộ nhà và nền móng cũ, xây lại nhà mới. Anh bà là Lê H11 đã bỏ tiền ra xây cất lại căn nhà, các anh chị em góp sức. Hiện nay, căn nhà và đất này do ông Lê Văn L1 đang quản lý. Nếu chia di sản bà xin nhận kỷ phần bằng hiện vật.

Sau khi bà N1 chết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N1 là các ông Lê Kim Th1 và Lê Minh T2 trình bày:

Ông thống nhất với lời khai với bà Thái Tú H1 về nguồn gốc nhà và đất. Năm 1956, ông Lê H11 đập toàn bộ căn nhà cũ và bỏ tiền xây nhà mới trên nền móng cũ. Nhà mới có diện tích khoảng 250m^2 với sự góp công của các anh em ông H11. Ở trong nhà chỉ có bà G và vợ chồng ông Lê M. Năm 1970, ông M ra riêng, trong nhà chỉ còn bà G.

Năm 1976, ông L1 về ở trong nhà. Năm 1984, ông H11 về ở hẳn trong nhà đến lúc chết. Năm 2004, ông L1 cho con xây nhà trên đất của ông A1 bà G mà không xin phép của bà G1, bà N1 và ông M. Sau này các ông bà mới biết ông L1 đã làm sổ đỏ đứng tên riêng năm 1991 và đứng tên hai vợ chồng ông L1 bà T8 năm 2000.

Giá trị cây trồng thu hoạch trên đất đủ để lo đám giỗ và thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước, không sử dụng tiền của ông H11 và ông L1. Từ năm 2004, việc cúng giỗ được thực hiện tại nhà riêng ông Lê M. Về việc chăm sóc nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị G, khi bà G già yếu, phần cơm nước do ông M đảm nhiệm. Việc tắm rửa giặt giũ do các chị em gái thay phiên nhau. Ông H11 và ông L1 không làm gì cả. Khi Bà G mất thì chi phí mai táng do các anh chị em cùng gánh vác.

Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông xin nhận phần tài sản được hưởng bằng hiện vật. Ngoài ra, ông yêu cầu buộc gia đình ông Lê Văn L1 hoàn trả phần diện tích đất đã tặng và chuyển nhượng.

4/ Phần trình bày của nhánh ông Lê H11:

- *Ông Lê Quang T5 trình bày*: Ông là con của ông Lê H11 và bà Trương Thị L8. Nguồn gốc đất đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu của nhiều đời do ông cố nội của ông là ông Lê H10 và bà Trần Thị Ng mua và truyền đến đời ông Lê A1 và bà Nguyễn Thị G.

Năm 1956, cha ông đã đập phá toàn bộ nhà cũ xây thành căn nhà hoàn toàn với kiến trúc mới, ông Lê H11 bỏ tiền ra xây cất, Hiện nay, căn nhà này do anh ông là ông Lê Văn L1 đang ở.

Sau khi có quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm, ông và các ông bà gồm Lê Thị Băng L4, Lê Thị Ánh N3, Lê Thị T4, Lê Văn H4, Lê Thị Bích C cùng đóng góp tiền bạc (bao nhiêu thì ông không nhớ) tiến hành đổ đất lấp ao, hố cao 1,5m, diện tích hơn 700m^2.

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nhà đất là tài sản của cha ông là ông Lê H11 để lại. Ông xin nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật. Nếu được chia di sản, ông xin nhận kỷ phần bằng hiện vật.

- *Ông Lê Văn H4 trình bày*:

Thống nhất với lời khai của bị đơn ông Lê Văn L1. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nhà đất là tài sản của cha ông là ông Lê H11 để lại. Ông xin nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật.

- *Bà Lê Thị Bích C, trình bày:*

Thống nhất với lời khai của ông Lê Văn L1. Bà đề nghị Tòa giải quyết theo qui định của pháp luật và nếu được chia thừa kế thì bà ủy quyền cho con là Lê Hùng Biên nhận kỷ phần và quản lý thay bà.

- *Bà Lê Thị Băng L4, trình bày*:

Bà thống nhất với lời khai của ông Lê Văn L1. Không đồng ý chia di sản thừa kế là căn nhà, vì là tài sản của cha mẹ bà được xây dựng trên 50 năm. Đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật. Bà xin nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật.

- *Bà Lê Thị T4 trình bày:*

Thống nhất với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Lê Thị Ánh N3 về diện hành thừa kế và nguồn gốc di sản. Về tài sản đang tranh chấp, năm 1956, ông Lê H11 đã bỏ tiền để xây dựng lại nhà từ đường nên đây là di sản của ông H11 yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật

5/ Phần trình bày của nhá bà Q1:

- *Bà Nguyễn Thị T6 (con bà Q1), trình bày*:

Bà là con của bà Lê Thị Q1 (chết) và ông Nguyễn Tấn Th2 (chết). Nguồn gốc đất của ông Lê A1 và bà Nguyễn Thị G. Đồng ý phần trình bày của nguyên đơn. Về căn nhà, năm 1956, ông Lê H11 đóng góp tiền bạc, các anh chị em khác góp sức cùng nhau đập ngôi nhà từ đường cũ để xây dựng lại nhà từ đường mới. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nếu được chia di sản thì bà xin nhận bằng hiện vật.

- *Ông Nguyễn Tấn H6 (con bà Q1), trình bày*:

Ông là con của bà Lê Thị Q1 và là cháu ngoại của ông Lê A1 và bà Nguyễn Thị G. Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lê A1 và Bà Nguyễn Thị G. Ông Lê H11 là người đứng ra lo việc xây dựng nhà từ đường mới, các anh chị em khác cùng nhau góp sức. Ông đồng ý với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Bà Nguyễn Thị Minh Tr, trình bày*:

Bà là con của bà Lê Thị Q1 (chết) và ông Nguyễn Tấn Th2 (chết), là cháu ngoại của ông Lê A1 và bà Nguyễn Thị G. Nguồn gốc đất của ông Lê A1 và bà Nguyễn Thị G. Năm 1956, ông Lê H11 cùng cụ G xây lại nhà từ đường trên nền móng cũ. Ông H11 bỏ tiền (bao nhiêu thì bà không rõ. Bà đồng ý với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nếu được chia di sản thì bà xin nhận bằng hiện vật.

- *Ông Nguyễn Tấn K1 (Đoàn TấnK1) trình bày*:

Ông là con của ông Nguyễn Tấn Th3 là cháu nội của bà Lê Thị Q1. Ngày 16/8/1989 ông rời Việt Nam đến ngày 18/8/1989 thì ông đến Na Uy. Ông không biết gì về nguồn gốc nhà đất đang tranh chấp. Ông xin từ chối nhận phần di sản của mình.

- *Bà Lê Thị Ch trình bày:*

Bà là vợ của ông Nguyễn Tấn Th3 (chết) là con dâu của bà Lê Thị Q1. Ngày 16/8/1989 bà rời Việt Nam đến ngày 18/8/1989 thì bà đến Na Uy. Bà không biết gì về nguồn gốc nhà đất đang tranh chấp. Bà xin từ chối nhận phần di sản của mình.

- Tại Bản tự khai ngày 08/7/2009, ông Nguyễn Phiêu L2, trình bày:

Tôi là chồng của bà Nguyễn Thị M5. Là cháu rể của ông Lê A1 và bà Nguyễn Thị G. Thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị T6 về mối quan hệ với bà Lê Thị Q1 và vợ chồng ông Lê A1, bà Nguyễn Thị G. Nếu được chia di sản, ông xin được nhận bằng tiền.

- Anh Nguyễn Huy Đ1, Nguyễn Khang H7, Nguyễn Đạt Thanh T7, Nguyễn Đạt Thanh Q trình bày:

Chúng tôi là con của bà Nguyễn Thị M5 đã chết. Thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị T6. Chúng tôi ủy quyền cha tôi là Nguyễn Phiêu L2 tham gia phiên tòa. Nếu được chia di sản, xin nhận bằng tiền.

6/ Phần trình bày của nhánh ông Lê Văn L1:

- Bà Trần Thị Thọ (vợ ông L1) trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bị đơn ông Lê Văn L1.

- Bà Lê Trần Bích T9 trình bày:

Bà thống nhất với lời khai của bị đơn về nguồn gốc đất và nguồn gốc căn nhà từ đường.

Ông Lê Văn L1 là cha của bà có tặng cho bà một phần đất diện tích 160,1m^2, đất ở nông thôn. Do phần diện tích đất tặng cho nằm trong khu vực quy hoạch nên hai bên không ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà chỉ lập văn bản cam kết để xác nhận việc giao kết tặng cho. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bà Lê Trần Thảo Tr trình bày:

Bà là con gái của bị đơn ông Lê Văn L1. Bà thống nhất với lời khai của bị đơn về nguồn gốc đất và nguồn gốc căn nhà từ đường.

Năm 2012, ông L1 có tặng cho bà một phần đất diện tích 159,7m^2. Do phần diện tích đất tặng cho nằm trong khu vực quy hoạch nên hai bên không ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà chỉ lập văn bản cam kết để xác nhận việc giao kết tặng cho.

Ngày 24/4/2013, bà xây dựng 06 phòng trọ trên phần đất được tặng cho, có giấp phép xây dựng tạm được ký ở Ủy ban nhân dân xã V1. Chi phí xây dựng khoảng 250.000.000đ. Toàn bộ chi phí là của riêng bà. Bà là người trực tiếp quản lý và thu tiền 06 phòng trọ này. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bà Trương Lệ Kiều L5, ông Lê Trần Anh T1 trình bày:

Ông bà thống nhất với lời trình bày của bị đơn về nguồn gốc đất và nguồn gốc căn nhà từ đường.

Ông L1 có tặng cho các ông bà một phần đất diện tích 386,5m^2, đất ở nông thôn và ông bà đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH 00470/22399 ngày 06/7/2012. Trên đất có căn nhà diện tích 106,9m^2 được xây dựng năm 2004. Năm 2011, ông bà cơi nới thêm 14m^2 dùng để xe. Tổng diện tích nhà hiện tại là 120,9m^2

Ông L1 có tặng cho ông bà một phần đất diện tích 118,2m^2, đất ở nông thôn. Do phần diện tích đất tặng cho nằm trong khu vực quy hoạch nên hai bên không ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà chỉ lập văn bản cam kết để xác nhận việc giao kết tặng cho. Ông bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Bà Lê Trần Mai Tr1 trình bày:*

Bà thống nhất với lời khai của bị đơn về nguồn gốc đất và nguồn gốc căn nhà từ đường.

Ông Lê Văn L1 là cha của bà có tặng cho bà một phần đất diện tích 159,5m^2, đất ở nông thôn. Do phần diện tích đất tặng cho nằm trong khu vực quy hoạch nên hai bên không ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà chỉ lập văn bản cam kết để xác nhận việc giao kết tặng cho. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ông Nguyễn Hải Đ2 và bà Lê Thị Anh T10 trình bày*:

Ngày 15/10/2012, ông L1 có chuyển nhượng cho các ông bà thửa đất diện tích 145,0m^2, đất ở nông thôn tọa lạc tại Tổ 02 Thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tháng 7/2012.

Ngày 01/9/2015, các ông bà chuyển nhượng lô đất trên cho bà Huỳnh Thị Thúy V5. Việc chuyển nhượng đã hoàn tất về tài chính cũng như giấy tờ

- *Bà Huỳnh Thị Thúy V5 trình bày*:

Ngày 26/8/2015, bà có nhận chuyển nhượng lô đất diện tích 145,0m^2, đất ở nông thôn tọa lạc tại Tổ 02 Thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa có giá 50.000.000đ từ bà Huỳnh Thị Thúy Kiều (bà Kiều nhận ủy quyền của ông Nguyễn Hải Đ2 và bà Lê Thị Anh T10). Bà đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/9/2015. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà đổ đất nâng nền và dựng tạm một chòi tôn trị giá 80.000.000đ, không có giấy tờ chứng minh. Bà không yêu cầu xem xét phần xây dựng thêm. Bà yêu cầu Tòa án xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Văn M3 là bà Lê Thị Bích H8 trình bày:

Khoảng giữa năm 2015, vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị Ánh N3 01 thửa đất số 272, tờ bản đồ số 9, diện tích 306,1m^2 (trong đó, đất ở nông thôn 181,7m^2, đất trồng cây hàng năm khác 124,4m^2), địa chỉ tại thôn V, xã V1, thành phố Thành phố N (tại thời điểm này, bà Lê Thị Ánh N3 đã đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi đã có 02 bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Tòa án Đà Nẵng). Hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng được công chứng hợp lệ, số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ rõ. Hai bên đã thực hiện dứt điểm nghĩa vụ đối với hợp đồng nên ngày 26/8/2015, vợ chồng bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS-00023.

Từ khi mua đến nay, bà chỉ lấp đất nâng nền cùng với các ông bà: Lê Văn Hu4, Lê Quang T5, Lê Thị Băng L4, Huỳnh Du B2 và Lê Thị Ánh N3 với số tiền đóng góp là 6.000.000đ, bà không có giấy tờ chứng minh và không yêu cầu Tòa án xem xét đối với khoản tiền này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà không biết và không có ý kiến gì. Đối với quyền và lợi ích của vợ chồng bà, bà đề nghị Tòa án xem xét và bảo vệ.

- Tại văn bản ý kiến đề ngày 14/11/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Thành phố N trình bày:

Theo hồ sơ lưu trữ do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thành phố N cung cấp (gồm có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 18/5/1999 và giấy giao nhận diện tích đo đạc) thể hiện: Năm 1999, hộ ông Lê Văn L1 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 18/5/1999 được Ủy ban nhân dân xã V1 xác nhận ngày 18/8/2000 (kèm giấy giao nhận diện tích đo đạc) như sau:

- Thửa số 33, tờ bản đồ số 03, diện tích 3.295m^2, trong đó 200m^2 đất ở, 3.095m^2 đất vườn, có nguồn gốc đất cha mẹ để lại năm 1988 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A043807;

- Thửa số 29, tờ bản đồ số 03, diện tích 156m^2 (đất ao) có nguồn gốc đất như thửa số 33, tờ bản đồ số 03 (đào ao năm 1997);

- Thửa số 28, tờ bản đồ số 03, diện tích 762m^2 (đất ao) có nguồn gốc đất như thửa số 33, tờ bản đồ số 03 (đào ao năm 1997);

- Thửa số 218, tờ bản đồ số 03, diện tích 825m^2 (đất hai lúa) có nguồn gốc cấp theo Nghị định số 64/CP;

- Thửa số 102, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.286m^2 (đất hai lúa) có nguồn gốc cấp theo Nghị định số 64/CP.

Căn cứ đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Văn L1 được Ủy ban nhân dân xã V1 họp xét và thống nhất, Ủy ban nhân dân thành phố Thành phố N đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn L1 và bà Trần Thị Thọ 05 thửa đất nói trên (chỉ có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc duy nhất được giao cho chủ hộ và được thể hiện trên sổ địa chính). Hiện tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn L1 và bà Trần Thị T8 chỉ có các tài liệu nêu trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai Khánh Hòa không có lời khai.

Tại bản tự khai ngày 13/7/2017, người làm chứng ông Lê Văn T trình bày:

Căn nhà hiện nay ông Lê Văn L1 đang ở trước đây gia đình ông gồm ông Lê M và bà Nguyễn Thị B3 là cha mẹ của ông cùng các anh em ông sống chung với bà nội là bà Nguyễn Thị G. Năm 1974, ông M và bà B3 cất nhà riêng, bà G ở một mình. Việc cơm nước cho bà G do ông M và bà B3 lo. Ông là người đem cơm đưa cho bà G. Các anh em ông thay phiên ngủ với bà để trong nom.

Năm 1976, ông L1 và gia đình về ở cùng nhà với bà G, sau đó ông H4 cũng về ở. Tuy ở cùng nhà nhưng phần cơm nước vẫn do ông M và bà B3 lo liệu. Ông vẫn là người đưa cơm và đút cơm cho bà G lúc bà già yếu cho đến khi qua đời.

Năm 1984, ông H11 về hưu dọn về ở, trông nom vườn dừa bán lấy hoa lợi cúng giỗ và hương khói ông bà. Năm 1987, ông H11 qua đời, ông L1 tiếp tục trông coi và quản lý vườn tược đến ngày hôm nay.

- Tại bản tự khai ngày 13/7/2017, người làm chứng ông Lê Thành Nhân trình bày:

Ông là con đẻ của ông Lê M, sinh ra và lớn lên tại nhà, đất của ông Lê A1 và bà Nguyễn Thị G. Nhà từ đường được xây dựng lại năm 1956 trên nền nhà từ đường cũ (theo nội ông thuật lại). Có người góp sức, có người góp của và có phần tích lũy từ ruộng vườn của bà G. Ông Lê H11 được giao quản lý xây dựng.

Sau khi xây dựng xong, ông H11 không trong nhà từ đường. Đến năm 1984, ông H11 về hưu mới về ở.

Cha ông là ông Lê M sống với bà G đến năm 1974 thì ra ở riêng. Bà G ở một mình trong nhà từ đường. Ông M là người lo cơm nước, phụng dưỡng bà G cho đến khi bà qua đời và nhang khói tổ tiên đến sau năm 1975.

Năm 1976, ông L1 về nhà từ đường ở. Năm 1991 và năm 2000, ông L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong tộc họ không ai biết. Sau đó xảy ra tranh chấp như hiện nay.

Tại Bản án dân sự thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018, Tòa

án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 228, khoản 4, điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Pháp lệnh số 44-LCT/HĐNN8 ngày 10/9/1990 của Hội đồng Nhà nước được thông qua ngày 30/8/1990, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế và Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Xác định 03 thửa đất tọa lạc tại tổ 2 Thôn V, xã V1, thành phố N có tổng diện tích 4.213m^2 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 569746 do UBND thành phố N cấp ngày 29/12/2000 đứng tên ông Lê Văn L1 và bà Trần Thị T8) và theo sơ đồ trích đo địa chính thửa đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập ngày 30/7/2015 thì lô đất tranh chấp có diện tích là 4.240,7m^2 là di sản thừa kế của cụ Lê A1 và cụ Nguyễn Thị G để lại.

2. Xác định căn nhà một tầng diện tích 154,57m^2 và một giếng nước, sân xi măng có giá trị 169.450.843 đồng hiện ông L1 đang quản lý, sử dụng được xây dựng trên đất tranh chấp là di sản thừa kế của ông Lê H11.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê M về việc *"Tranh chấp di sản thừa kế"* là 03 thửa đất có tổng diện tích theo kết quả đo vẽ thực tế là 4.240,7m^2 tọa lạc tại tổ 2 Thôn V, xã V1, thành phố N đối với bị đơn ông Lê Văn L1.

4. Trích một phần diện tích đất trong tổng diện tích đất khối di sản làm lối đi chung là: 202,0m^2.

5. Trích một kỷ phần giá trị khối di sản của cụ Lê A1 và cụ Nguyễn Thị G cho ông Lê Văn L1.

6. Giá trị mỗi kỷ phần thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất mỗi người được chia là 1.755.501.325đ.

1/ Những người thừa kế của ông Lê H11 gồm bà Lê Thị T4, ông Lê Văn L1, ông Lê Văn H4, bà Lê Thị Ánh N3, bà Lê Thị Băng L4, bà Lê Thị Bích C, ông Lê Quang T5 được hưởng 01 phần giá trị thừa kế của ông Lê H11, cụ thể mỗi người được chia giá trị là: 250.785.903 đồng, (trong đó ông Lê Văn L1 được nhận là: 2.006.287.228 đồng).

2/ Những người thừa kế của bà Lê Thị Q1 gồm ông Nguyễn Tấn H6, bà Nguyễn Thị T6, bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Nguyễn Tấn Th3, bà Nguyễn Thị M5 nhận giá 351.100.265 dồng.

- Ông Th3 (chết) vợ, con ông Th3, là bà Ch và ôngK1 được nhận ký phần giá trị của ông Th3.

- Bà Nguyễn Thị M5 (chết), chồng là ông L2 (chết). Do đó, các ông, bà Nguyễn Đạt Thanh U, Nguyễn Khang H7, Nguyễn Huy Đ1, Nguyễn Đạt Thanh T7 được nhận giá trị phần thừa kế của bà M5.

3/ Những người thừa kế của bà Lê Thị G1 gồm bà Quảng Thị M1 (Trương Thị M2), bà Quảng Thị Băng T3 (Nguyễn Q Băng T3), bà Quảng Thị Long A (Quảng Long A), ông Quảng Mậu Ph, ông Quảng Mậu H3, ông Quảng Mậu A3, ông Quảng Mậu Ngọc, mỗi người được nhận là: 250.785.903 đồng.

4/ Ông Lê Kim Th1 và ổng Lê Minh T2 mỗi người được nhận giá trị là: 1.755.501.325đ : 2 = 877.750.662 đồng.

5/ Ông Lê M được nhận 01 kỷ phần thừa kế giá trị là 1.755.501.325đ.

* Chia hiện vật:

Trích để một phần diện tích đất 202,0m^2 trong tổng diện tích đất di sản làm lối đi chung. Như vậy, diện tích đất còn lại để chia thừa kế là:

4.240,7m^2 - 202,0m^2 = 4.038,7m^2.

1/ Chia hiện vật cho nhánh ông Lê H11 như sau:

- Chia cho ông Lê Văn L1 sở hữu căn nhà diện tích 254,24m^2 (là di sản thừa kế của ông Lê H11 để lại) và diện tích đất 1.366,3m^2 (kí hiệu lô số 6 trên sơ đồ kèm theo bản án):

Giá trị đất ông L1 được nhận là: 1.366,3m^2 x 2.608.019đ = 3.563.336.359đ. Giá trị căn nhà ông L1 nhận là:

Giá trị căn nhà ông L1 được nhận là: 169.450.843 đồng.

- Chia cho ông Lê Văn H4 lô đất diện tích 291,2m^2 (trên đất có căn nhà là tài sản thuộc sở hữu của gia đình ông Lê Văn H4), (kí hiệu lô số 1A trên sơ đồ kèm theo bản án). Giá trị đất ông H4 được nhận là:

291,2m^2 x 2.608.019đ = 759.455.132 đồng.

- Chia cho ông Lê Quang T5 lô đất diện tích 291,2m^2 (trên đất có căn nhà là tài sản thuộc sở hữu của gia đình ông Lê Quang T5), (kí hiệu lô số 1B trên sơ đồ kèm theo bản án). Giá trị đất ông T5 được nhận là:

291,2m^2 x 2.608.019đ = 759.455.132 đồng.

2/ Chia cho hiện vật cho những người thừa kế của nhánh bà Lê Thị G1 như sau:

- Giao cho bà Thái Tú H1 (vợ ông Quảng Mậu A3 đã chết) là đại diện nhánh bà G1 được quyền sử dụng lô đất có diện tích là 494,2m^2 (kí hiệu lô số 2 trên sơ đồ kèm theo bản án). Giá trị lô đất được chia là: 494,2m^2 x 2.608.019đ = 1.288.882.989đ. Bà H1 phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần thừa kế cho Quảng Thị M1 (Trương Thị M2), bà Quảng Thị Băng T3 (Nguyễn Q Băng T3), bà Quảng Thị Long A (Quảng Long A), những người thừa kể của ông Quảng Mậu Ph, ông Quảng Mậu H3, những người thừ kế của ông Quảng Mậu A3, những người thừ ké của ông Quảng Mậu Ngọc mỗi kỷ phần là: 250,785,903 đồng.

3/ Chia cho hiện vật cho những người thừa kế của nhánh bà Lê Thị N1 như sau: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Th1 và ông T2 yêu cầu được nhận chung một khối nên giao cho Ông Lê Kim Th1 và ông Lê Minh T2 lô đất có diện tích là 494,1 m^2 (kí hiệu lò số 3 trên sơ đồ kèm theo bản án).

Giá trị lô đất là: 494,lm^2 x 2.608.019đ = 1.288.622.188đ.

4/ Chia cho những người thừa kế của nhánh bà Q1 như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Tấn H6 (đại diện cho nhánh thừa kế của bà Q1) được nhận lô đất có diện tích là 550,9m^2 (kí hiệu lô số 4 trên sơ đồ kèm theo bản án). Giá trị lô đất ông H6 nhận là: 550,9m^2 x 2.608.019đ = 1.436.757.667đ.

Ông H6 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T6, bà Nguyễn Thị Minh Tr, những người thừa ké của ông Nguyễn Tấn Th3 và những người thừa kế của bà Nguyễn Thị M5 giá trị mỗi phần là: 351.100.265 đồng.

5/ Chia cho ông Lê M lô số 5 có diện tích là 550,8m^2.

Giá trị lô đất ông M nhận là: 550,8m2x 2.608.019đ = 1.436.496.865đ.

* Thanh toán chênh lệch giữa giá trị di sản được chia và giá trị tài sản thực tế được nhận như sau:

- Ông Lê Văn L1 phải thanh toán cụ thể như sau:

Thanh toán cho ông Lê M số tiền 318.743.641 đồng.

Thanh toán cho ông Nguyễn Tấn H6 (đại diện nhánh bà Q1 để ông H6 có nghĩa vụ thanh toán cho các thừa kế khác của bà Q1) số tiền là 466.618.319 đồng.

Thanh toán cho bà Thái Tú H1 (đại diện nhánh bà G1 để bà H1 có nghĩa vụ thanh toán cho các thừa kế khác của bà G1) số tiền là: 466.618.090 đồng.

Thanh toán cho những người thừa kế của nhánh bà N1 gồm ông Lê Kim Th1 và Lê Minh T2 số tiền là: 318.743.641 đồng.

- Ông Lê Văn H4 phải thanh toán cho bà Lê Thị Băng T3 và Lê Thị Bích C mỗi người 250.785.901 đồng.

- Ông Lê Quang T5 phải thanh toán cho bà Lê Thị Ánh N3 và Lê Thị T4 mỗi người 250.785.901 đồng.

- Lê Văn L1 phải thanh toán Lê Văn H4, Lê Quang T5, Lê Thị Ánh N3, Lê Thị T4, Lê Thị Băng T3 và Lê Thị Bích C mỗi người 23.483.643 đồng.

* Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Trần Anh T1 và bà Trương Lê Kiều L5 đối với thửa đất 278 (01 phần từ thửa 275) có diện tích 386,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00470/22399 do UBND thành phô Thành phố N cấp ngày 06/7/20127.

* Đối với các Hợp đồng tặng cho và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L1 với các ông, bà Đ2 và T10 là vô hiệu; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông L1 với bà Lê Trần Thảo Tr; Hợp đồng tặng cho giữa ông L1 với bà Lê Trần Mai Tr1; Hợp đồng tặng cho giữa ông L1 với bà Lê Trần Bích T9 là vô hiệu.

*Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2016/QĐ-BPKCTT ngày 24/6/2016 cuả Toa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Ông Lê M được nhận lại 30.000.000d (Ba mươi triệu đồng) tiền thực hiện biện pháp bảo đảm theo Phiếu thu số 0080 ngày 22/6/2016 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc; án phí; quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/7/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 905/QĐKNPT-DS đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 26/6/2018, 29/6/2018, 05/7/2018 và 6/7/2018 các ông, bà Lê M, Lê Kim Th1, Lê Văn L1, Lê Quang T5, Lê Trần Anh T1, Trần Thị T8, Trương Lê Kiều L5, Lê Trần Thảo Tr, Nguyễn Văn M3 và Lê Thị Bích H8 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Lê Văn L1, Lê Kim Th1, Lê Quang T5, Lê Trần Anh T1, Trần Thị T8, Trương Lê Kiều L5, Lê Trần Thảo Tr, Nguyễn Văn M3 và Lê Thị Bích H8 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày cho rằng: Toà án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và nội dung vụ án giải quyết không khách quan, về chia giá trị thừa kế mỗi kỷ phần có giá trị khác nhau là không đúng; xác định di sản thừa kế còn thiếu phần ông L1 tặng cho, bán cho người khác; phía ông L1 nhận đất ở nhiều nhưng tính giá trị đất ở quá thấp để làm căn cứ bù trừ cho các thừa kế khác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các thừa kế khác. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi của bị đơn Bà Lục Thị Th trình bày cho rằng:

Đối với di sản thừa kế của nhiều đời để lại; Cố Lê A1 có làm Tờ thuận phân bị thất lạc, phần kết có chữ ký của Lý trưởng, thể hiện: Ông Lê H11 quản lý và sử dụng phần đất hiện tại ông L1 đang quản lý và sử dụng, bà Lê Thị Q quản lý và sử dụng phần đất sát cạnh đất của ông L1, ông Lê M quản lý và sử dụng phần đất hiện tại có ngôi nhà của ông. Do đó, đề nghị Tòa án đưa cả diện tích đất ông Lê M đang quản lý sử dụng và diện tích đất của bà Lê Thị Q (con cháu bà đang quản lý sử dụng) vào khối di sản của cụ A1 và cụ G để chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Do Toà án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lê Trần Anh T1 trình bày: Thống nhất như ý kiến của Luật sư Lục Thị Thuỵ.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Quảng Mậu H3 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T trình bày cho rằng do Toà án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Đại diện theo uỷ quyền của anh H7, chị Q và anh Đạt, anh Nguyễn Đạt Thanh T7 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tấn Hoá trình bày cho rằng do Toà án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị T8, bà Trương Lê Kiều L5 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Trần Anh T1 trình bày cho rằng do Toà án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn M3 bà Lê Thị Bích H8 cũng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày cho rằng: Khoảng giữa năm 2015, vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị Ánh N3 01 thửa đất; hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng được công chứng hợp lệ và đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét và bảo vệ quyền lợi cho vợ chồng bà.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Do Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng như: Không đưa Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu người tham gia tố tụng; không thực hiện thông báo bổ sung người tham gia tố tụng và gửi cho các bên đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp; đồng thời không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mới thu thập và hoà giải với các đương sự; chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ vụ án dẫn đến giải quyết vụ án thiếu khách quan, toàn diện.

Do Toà án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm về tố tụng nên không cần thiết phải xem xét về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án dân sự sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm có một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt; tuy nhiên, đây là phiên toà đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 3. Do đó, căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hoà và kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Lê Kim Th1, ông Lê Quang T5, ông Lê Trần Anh T1, bà Trần Thị T8, bà Trương Lê Kiều L5, bà Lê Trần Thảo Tr, ông Nguyễn Văn M3 và bà Lê Thị Bích H8, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Trong quá trình Toà án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại vụ án còn có thiếu sót như: Sau khi Bản án dân sự phúc thẩm số 35/2010/DS-PT ngày 10,11/6/2010 của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà nẵng có hiệu lực pháp luật, các đồng thừa kế của ông Lê H11 đã thoả thuận được việc thi hành án nên đã nhận thừa kế bằng hiện vật và tặng cho, mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nhiều cá nhân khác. Trong đó, có trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 096050 ngày của UBND thành phố N cấp cho ông Lê Văn H4. Ngày 25/6/2015, ông H4 đã thế chấp cho Ngân hàng

TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh để bảo lãnh khoản vay cho ông Nguyễn Văn M3 và bà Lê Thị Bích H8 nhưng chưa được xoá chấp. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng; Toà án cấp sơ thẩm không thực hiện Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng để tống đạt cho các đương sự trong vụ án và Viện kiểm sát cùng cấp biết để có ý kiến bằng văn bản cho Toà án; đồng thời phải mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mới thu thập và hoà giải với sự có mặt đầy đủ các bên đương sự là vi phạm khoản 4 Điều 68; điểm g Điều 196; các điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ vụ án dẫn đến giải quyết vụ án thiếu khách quan, toàn diện như trong tổng diện tích đất tranh chấp chia thừa kế có nhiều loại đất khác nhau (gồm đất ở, đất ở nằm trong quy hoạch giao thông, đất nông nghiệp nằm trong quy hoạch đất ở) nhưng không Th2 thập các tài liệu có liên quan tại cơ quan chuyên ngành để làm căn cứ giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do Toà án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Toà án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; vì vậy, cũng không xem xét về nội dung vụ án.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hoà và kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Lê Kim Th1, ông Lê Quang T5, ông Lê Trần Anh T1, bà Trần Thị T8, bà Trương Lê Kiều L5, bà Lê Trần Thảo Tr, ông Nguyễn Văn M3 và bà Lê Thị Bích H8 có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần huỷ bản án dân sự sơ thẩm để chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí: Do Bản án dân sự sơ thẩm bị huỷ nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối với án phí dân sự sơ thẩm được xem xét lại khi xét xử sơ thẩm vụ án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 905/QĐKNPT-DS ngày 09/7/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa và kháng cáo của nguyên đơn ông Lê M, bị đơn ông Lê Văn L1 và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Lê Kim Th1, ông Lê Quang T5, ông Lê Trần Anh T1, bà Trần

Thị T8, bà Trương Lê Kiều L5, bà Lê Trần Thảo Tr, ông Nguyễn Văn M3 và bà Lê Thị Bích H8.

2. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm;

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê M, ông Lê Văn L1, ông Lê Kim Th1, ông Lê Quang T5, ông Lê Trần Anh T1, bà Trần Thị T8, bà Trương Lê Kiều L5, bà Lê Trần Thảo Tr, ông Nguyễn Văn M3 và bà Lê Thị Bích H8 không phải chịu, được hoàn trả lại số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lại thu tiền số 0000683 ngày 10/9/2018, số 0000684 ngày 10/9/2018, số 0000679 ngày 10/9/2018, số 0000678 ngày 10/9/2018, số 0000681 ngày 10/9/2018, số 0000680 ngày 10/9/2018, số 0000682 ngày 10/9/2018, số 0000665 ngày 29/8/2018, số 0000659 ngày 24/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu trữ, HSVA, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông